TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/DS-ST
Ngày: 25-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Cẩm Hà.

2. Bà Hồ Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 222/2023/TLST-DS ngày 25/12/2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST-DS ngày 28/3/2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Dương Việt N, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2- Bị đơn: Anh Võ Hoài B, sinh năm 1980 và chị Lê Thị N1, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Đương sự có mặt đủ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày: Trước đây vợ chồng anh B, chị N1 có vay tiền của anh N nhiều lần, có trả rồi vay lại. Đến ngày 20/02/2023 anh B và chị N1 vay 380.000.000 đồng, có làm biên nhận nhưng đến nay không trả. Nay yêu cầu anh B, chị N1 trả số tiền vay là 402.800.000 (Bốn trăm lẻ hai triệu tám trăm nghìn đồng). Trong đó: gốc 380.000.000 đồng và tiền lãi là 22.800.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Yêu cầu vợ chồng anh B, chị N1 trả nợ gốc là 380.000.000 đồng. Vợ chồng anh B đóng lãi được 20.000.000 đồng nhưng anh B trình bày đóng được 40.000.000 đồng, anh N thống nhất theo anh B là đã đóng lãi được 40.000.000 đồng và đồng ý trừ số tiền này vào tiền gốc. Anh N yêu cầu trả số tiền gốc còn lại là 340.000.000 đồng.

- *Bị đơn là anh B và chị N1 trình bày:* Vợ chồng anh B chỉ có vay của anh N 03 lần số tiền 200.000.000 đồng; đóng lãi 03 lần 40.000.000 đồng. Anh N kêu lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp Ngân hàng ra, anh N cầm cho 01 tỷ, lãi tháng 50.000.000 đồng. Anh B vay tiền nóng của nhân viên Ngân hàng 400.000.000 đồng để trả ngân hàng, mỗi ngày đóng lãi 4.000.000 đồng, nếu 03 ngày trở lên thì mỗi ngày lãi 2.000.000 đồng. Trước khi anh B đi lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh N có làm giấy biên nhận cộng gốc và lãi là 380.000.000 đồng. Nhưng trong số 380.000.000 đồng này đã trả lãi được 40.000.000 đồng, còn lại 340.000.000 đồng, anh N bớt 20.000.000 đồng còn lại 320.000.000 đồng. Anh N nói khi nào lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về rồi cầm cho 01 tỷ, trừ ra 320.000.000 đồng, còn nhiêu sẽ đưa thêm. Nhưng đến khi đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về anh N kêu ký nhận 01 tỷ, vợ chồng anh B ký nhận nhưng anh N chưa đưa tiền nên anh B kêu anh N làm giấy biên nhận có nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh B nhưng anh N không đồng ý. Sau đó hai bên không thỏa thuận được nên anh N xé biên nhận 01 tỷ bỏ và không giao dịch nữa. Khi đó anh B phải trả lãi ngày cho nhân viên ngân hàng. Sau đó anh B đã chuyển nhượng đất này để trả nợ cho nhân viên ngân hàng. Anh B, chị N1 thống nhất trả cho anh N tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi mỗi tháng 3.000.000 đồng. Nay hoàn cảnh khó khăn nên trả gốc mỗi tháng 5.000.000 đồng và lãi 3.000.000 đồng.

- *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 340.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn và bị đơn có hợp đồng vay tiền nhưng xảy ra tranh chấp, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán, do đó xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí nhưng các đương sự xác định không ai thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí.

[2] Nguyên đơn là anh N khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền gốc 380.000.000 đồng và tiền lãi. Bị đơn là anh B và chị N1 cho rằng biên nhận này là có cả tiền gốc và tiền lãi.

Nguyên đơn khởi kiện có cung cấp tài liệu, chứng cứ là biên nhận ghi ngày 20/02/2023, nhận số tiền 380.000.000 đồng. Bị đơn là anh B, chị N1 thừa nhận có làm biên nhận, nhưng cho rằng chỉ có vay gốc 200.000.000 đồng, số còn lại là tiền lãi. Lời trình bày của anh B, chị N1 không được anh N thừa nhận nhưng anh B, chị N1 không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Trong khi biên nhận chỉ thể hiện anh B, chị N1 nhận của anh N 380.000.000 đồng, không thể hiện trong đó có tiền lãi là bao nhiêu.

Tại phiên tòa, anh N thống nhất theo lời trình bày của anh B là đã đóng lãi được 40.000.000 đồng và đồng ý trừ vào tiền gốc. Yêu cầu anh B, chị N1 trả lại phần tiền gốc còn lại là 340.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên thấy rằng: Anh N trình bày có cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh; anh B, chị N1 trình bày nhưng không có gì để chứng minh nên cần chấp nhận yêu cầu của anh N, buộc vợ chồng anh B, chị N1 trả cho anh N số tiền 340.000.000 đồng.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thanh toán số nợ là 340.000.000 đồng x 5% = 17.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 92, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh D Việt Nam đối với anh Võ Hoài B và chị Lê Thị N1. Buộc anh Võ Hoài B và chị Lê Thị N1 cùng liên đới trả cho anh D Việt Nam số tiền 340.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong số tiền, hằng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2- Án phí sơ thẩm: Anh Võ Hoài B và chị Lê Thị N1 cùng chịu án phí là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng).

Hoàn trả cho anh D Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.050.000 đồng (Mười triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005068 ngày 19/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận